

THÔNG BÁO

Luồng đường thủy nội địa địa phương thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 5 năm 2024

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Báo cáo số 738/BC-TTQLĐT ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Trung tâm Quản lý Đường thủy về kết quả khảo sát thường xuyên luồng đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tháng 5 năm 2024;

Sở Giao thông vận tải thông báo luồng đường thủy nội địa địa phương thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Tên luồng: Luồng đường thủy nội địa địa phương.

2. Khu vực có bãi cạn, tình huống đột xuất

a) Các khu vực có bãi cạn cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này.

b) Các tình huống đột xuất:

- Tuyến Sông Kỳ Hà đang thi công công trình Xây dựng cầu Kỳ Hà 4 và tuyến nhánh rẽ phải từ cầu Phú Mỹ đi Cát Lái trên rạch Kỳ Hà, thành phố Thủ Đức tại km04+000 (cách cầu Kỳ Hà 2 về phía hạ lưu 200m) hiện đang cấm luồng.

- Tuyến Rạch Chiếc - Trau Trầu tại km10+830 đang thi công cầu vượt sông thuộc dự án xây dựng đường Vành Đai 3, hạn chế luồng tại km10+680 và km10+980.

- Tuyến Rạch Môn - Sông Kinh tại km00+650 đang thi công cầu vượt sông thuộc dự án xây dựng đường Vành Đai 3, cấm luồng tại km00+500 và km00+800.

- Tuyến Sông Tắc đang thi công công trình xây dựng kè bảo vệ bờ sông đoạn tiếp giáp cầu Long Đại thuộc dự án khu dân cư và công viên Phước Thiện từ km10+465 đến km10+700.

- Tuyến Rạch Tra tại km08+200 đang thi công cầu vượt sông thuộc dự án xây dựng đường Vành Đai 3, hạn chế luồng từ km08+600 đến km09+800.



3. Tình hình mực nước luồng đường thủy nội địa địa phương được thể hiện cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này.

4. Tình hình luồng đường thủy nội địa địa phương được thể hiện cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này.

5. Những điều cần lưu ý:

5.1. Phương tiện lưu thông cần lưu ý các thông tin tại Báo cáo này và chú ý đến điều kiện luồng tuyến, địa hình thực tiễn các khu vực tại thời điểm lưu thông, các lưu ý cụ thể:

- Tuyến Rạch Láng The - Bến Mương, Kênh Địa phận thi đang công công trình nâng cấp, mở rộng và nạo vét kênh trục tiêu thoát nước huyện Củ Chi do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Chủ đầu tư phương tiện lưu thông trên 2 tuyến bị hạn chế.

- Tuyến Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trường Đại - kênh Tham Lương - rạch Nước Lên đang triển khai Dự án Xây dựng hạ tầng và cải tạo môi trường nước kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên, phương tiện lưu ý tuân thủ theo phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy trên tuyến.

- Tuyến Kênh Thanh Đa: Kè bảo vệ bờ chống sạt lở kênh Thanh Đa (1.1) đoạn từ km00+224 đến km00+685 hiện đang quan trắc tuyến kè, phương tiện thủy lưu thông qua khu vực tuân thủ theo hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa và lưu ý không tạo sóng.

- Tuyến Rạch Đồng Trong - Rạch Giồng Ông Tố đoạn từ km00+500 đến km00+525 đang thi công xây dựng Bến thủy nội địa Đảo Kim Cương; khu vực cầu Giồng Ông Tố đang cấm luồng từ km01+200 đến km01+500 phục vụ thi công cầu; đoạn từ km 05+200 đến 05+600 đang thi công xây dựng bờ kè bảo vệ bờ dọc tuyến Rạch Đồng Trong;

- Tuyến Ông Lớn 2 - sông Phước Kiển - Mương Chuối từ km08+043 đến km08+965 đang thi công công trình Xây dựng bờ kè chống sạt lở bờ tả thượng lưu rạch Ông Lớn 2 phương tiện lưu thông qua khu vực bị hạn chế.

- Tuyến Rạch Tôm (nhánh Phước Kiển) từ km01+830 đến km02+920 đang thi công công trình Xây dựng kè chống sạt lở bờ tả Rạch Tôm – Sông Phước Kiển phương tiện lưu thông qua khu vực bị hạn chế.

- Tuyến Rạch Bến Nghé tại km02+600, tuyến Rạch Tắc Rối tại km00+500, tuyến Rạch Ông lớn 2 - Phước Kiển - Mương Chuối tại km01+100 đang thi công công kiểm soát triều.

- Tuyến Kênh Tàu Hủ - Lò Gốm (đoạn từ Kênh Ngang số 1 đến ngã ba Kênh Đôi) và toàn tuyến Kênh Ngang số 1, 2, 3 hạn chế lưu thông thủy phục vụ thi công gói thầu F2 "Cải tạo Kênh" thuộc Dự án Cải thiện Môi trường nước Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2; đoạn từ km04+100 đến km04+300 đang thi công công trình Trạm bơm Phạm Phú Thứ phường 3 quận 6 thuộc gói thầu K thuộc Dự án Cải thiện Môi trường nước Thành phố giai đoạn 2 phương tiện lưu thông qua khu vực bị hạn chế.

- Tuyến Rạch Xóm Củi - Gò Nổi đang thi công trình Nạo vét trục thoát nước rạch Xóm Củi, hạn chế luồng từ ngã ba kênh Đồi đến rạch Bà Lào (từ km00+000 đến km07+200).

- Tuyến Rạch Đĩa - Rạch Roi - Sông Phú Xuân đang thi công cầu Phước Long tại km03+700; Đang thi công công kiểm soát triều Phú Xuân tại km01+300; Đoạn từ ngã 3 rạch Ông Lớn đến cầu Rạch Đĩa 1 đang cấm luồng.

- Tuyến Rạch Dơi - Sông Kinh các phương tiện thủy lưu ý khi lưu thông qua cầu Rạch Dơi tại km08+800 tuân thủ theo hệ thống báo hiệu đường thủy.

- Tuyến Rạch Lá - Tắc Tây Đen khu vực ngã ba Sông Lòng Tàu đến cầu Tắc Tây Đen đang triển khai thi công xây dựng kè chống sạt lở bên phía bờ trái, phương tiện hạn chế lưu thông.

- Tuyến Tắc Sông Chà khu vực ống nước ngầm băng sông tại Km00+600 phải tuyệt đối tuân thủ theo quy tắc và chỉ dẫn của báo hiệu đường thủy nội địa được lắp đặt tại khu vực.

5.2. Trung tâm Quản lý Đường thủy chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu khảo sát luồng tuyến, bãi cạn, mực nước tại báo cáo số 738/BC-TTQLĐT ngày 28 tháng 5 năm 2024./

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để báo cáo);
- Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Chi cục ĐTNĐ KVIII;
- Ban ATGT Thành phố;
- Công an Thành phố;
- UBND TP Thủ Đức và các Q-H;
- Cảng vụ Hàng hải TP. HCM;
- Cảng vụ ĐTNĐ Khu vực III;
- Cơ quan báo, đài (để thông tin);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLĐT, Tân.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Hòa An

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH LUỒNG, BÃI CẠN

(Kèm theo Thông báo số 7784 /TB-SGTVT ngày 11 tháng 6 năm 2024
của Sở Giao thông vận tải)

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Rạch Láng The - Bến Mương	Km04+500	4,6	70	10h06; 03/5/2024	
		Luồng cạn từ km02+800 đến cuối tuyến	2,6	30 - 80	10h30; 03/5/2024	
		Cầu Bến Mương (Km11+000)	TK: 1	KĐ:6,5		
		Cầu Phước Vĩnh An (Km09+100)	TK: 1	KĐ:8		
2	Kênh Thầy Cai	Km17+900	5,2	80	09h17; 10/5/2024	
		Dây điện cao thế (Km01+400)	TK: 6			
		Cầu Bộ Đội (Km03+ 300)	TK: 2,5	KĐ: 5		
		Cầu Thầy Cai (Km12+400)	TK: 1	KĐ:15		
		Cầu Tân Thái (Km24+100)	TK: 3	KĐ:30		
3	Kênh Địa Phận	Km05+500	2,8	40	08h16; 03/5/2024	
		Luồng cạn toàn tuyến	2,3	40 - 55	08h30; 03/5/2024	
		Cầu Kênh Tân (Km 06+250)	TK: 1	KĐ:8		
		Cầu Láng The (Km 09+500)	TK: 1	KĐ: 7		
4	Rạch Tra	Km10+900	7	50	08h07; 10/5/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Dây điện cao thế (Km 04+900)	TK: 15			
		Cầu Xáng TL15 (Km 06+750)	TK: 3	KĐ: 20		
		Cầu An Hạ (Km10+950)	TK: 3	KĐ: 20		
		Luồng cạn từ km05+500 đến km11+000	6,7	60 - 80	08h15; 10/5/2024	
5	Kênh An Hạ	Km12+400	6,6	60	10h09; 10/5/2024	
		Dây điện dân sinh (Km11+900)	TK: 2,5			
		Cầu Lớn (Km16+050)	TK: 3	KĐ:26		
		Luồng cạn từ km00+000 đến km15+000	4,5	50 - 60	10h20; 10/5/2024	
6	Kênh Xáng An Hạ - Kênh Xáng Lý Văn Mạnh	Km06+000	2,9	26-40	07h40; 16/5/2024	
		Dây điện cao thế (Km01+290)	TK: 6			
		Cầu Tân Nhựt (Km03+400)	TK:2	KĐ:10		
		Cầu Treo Kênh A (Km09+600)	TK: 3,5	KĐ : 20		
		Luồng cạn từ Km04+000 đến Km18+448	1,5	40	07h45; 16/5/2024	
7	Rạch Cầu Mênh - Bến Cát	Km01+300	3,0	60	10h22; 15/5/2024	
		Cống Đá Hàn (Km 01+000)	TK: 2,8	KĐ: 5		
		Cầu dân sinh (Km06+100)	TK:0,5	KĐ: 7		
		Cầu Bà Mễn (Km09+500)	TK:1,8	KĐ:10		

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Dây điện cao thế (Km 01+750)	TK: 6			
		Luồng cạn toàn tuyến	3,0	35 - 85	10h45; 15/5/2024	
8	Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trường Đay - Kênh Tham Lương	Km21+850	1,4	35	09h18; 15/5/2024	
		Cầu Chợ Cầu (Km21+700)	TK: 2,5	KĐ: 15		
		Cầu An Lộc (Km27+620)	TK: 1,8	KĐ: 21		
		Đường dây điện (Km27+620)	TK: 6			
		Bãi cạn từ km15+750 đến km16+750	2,1	25	09h06; 15/5/2024	
9	Kênh Ngang Số 3	Km00+400	3,3	20	08h10; 16/5/2024	
10	Kênh Ngang Số 2	Km00+200	4,5	20	08h15; 16/5/2024	
11	Rạch Lò Gốm - Ông Buông	Km04+000	2,2	20	08h05; 16/5/2024	
		Cầu Ông Buông (Km02+800)	TK: 1	KĐ: 6		
		Cầu đi bộ số 1 (Km01+ 100)	TK: 0,7	KĐ: 2,5		
		Luồng cạn toàn tuyến	2	7	08h07; 16/5/2024	
12	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm	Km06+500	1,5	20	08h00; 16/5/2024	
		Dây điện cao thế (Km02+700)	TK: 6			
		Luồng cạn toàn tuyến	1,7	9	08h03; 16/5/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
13	Rạch Bến Nghé	Km00+150	0,7	50	09h40; 07/5/2024	
		Cầu Calmette	TK: 3,2	KĐ: 25		
		Cầu Khánh Hội (Km 02+900)	TK: 3,2	KĐ: 17		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,1	20	09h45; 07/5/2024	
14	Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè	Km03+150	1,3	70	08h45; 07/5/2024	
		Đường dây điện (Km02+700)	TK: 7			
		Hàng cừ bê tông bờ trái từ km03+080 đến km07+250, bờ phải từ km04+460 đến km07+280				
		Cầu Thị Nghè 1 (Km01+200)	TK: 1,7	KĐ: 21		
		Cầu Lê Văn Sĩ (Km06+ 050)	TK: 1	KĐ: 10		
		Luồng cạn từ km 04+450 -cuối tuyến	0,4	15	08h50; 07/5/2024	
15	Kênh Thanh Đa	Km00+700	5,3	70	09h20; 06/5/2024	
16	Sông Vĩnh Bình	Km00+500	6,3	60	11h24; 15/5/2024	
		Dây điện cao thế (Km 01+500)	TK: 7			
		Luồng cạn từ km00+400 đến cuối tuyến	4,4	50 - 70	11h17; 15/5/2024	
17	Rạch Gò Dưa	Km04+150	2,2	25	09h50; 06/5/2024	
		Đường dây điện (Km 02+700)	TK: 3,5			
		Cầu Đường sắt xe lửa (Km00+350)	TK: 1,5	KĐ: 20		

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Cầu Bà Cả (Km 03+800)	TK: 0,3	KĐ: 5		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,2	10	09h55; 06/5/2024	
18	Rạch Chiếc - Trau Trầu	Km02+500	1,0	69	10h20; 10/5/2024	
		Đường dây điện (Km00+560)				
		Cầu Kinh (Km05+715)	TK: 1,5	KĐ: 6		
		Cầu Tăng Long (Km07+240)	TK: 1,2	KĐ: 10		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,1	15	10h30; 10/5/2024	
19	Rạch Ông Nhiều	Km04+000	1,2	94	12h30; 10/5/2024	
		Đường dây điện cao thế (km01+750)	TK: 7			
		Luồng cạn từ km02+400 đến cuối tuyến	0,5	45	12h40; 10/5/2024	
20	Rạch Cây Cam	Km02+100	1,1	29	11h00; 10/5/2024	
		Đường dây điện cao thế (Km00+650)	TK: 8			
		Cầu Vỏ Khế (Km 00+600)	TK: 2	KĐ: 15		
		Cầu Cây Cam (Km02+470)	TK:0,5	KĐ: 10		
		Cầu Lấp (Km03+260)	TK: 0,5	KĐ: 5		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,1	10	11h05; 10/5/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
21	Rạch Môn - Sông Kinh	Km03+400	1,0	50	11h25; 10/5/2024	
		Đường dây điện cao thế (Km00+650)	TK: 8			
		Cầu Rạch Môn 1 (Km02+560)	TK: 0,5	KĐ: 6		
		Luồng cạn từ km02+500 đến cuối tuyến	0,3	15	11h35; 10/5/2024	
22	Rạch Bà Đá - Rạch Giáng	Km01+500	0,8	50	10h45; 10/5/2024	
		Cầu Đình (Km02+410)	TK: 0,5	KĐ: 3		
		Cầu Cây Me (Km03+260)	TK: 0,5	KĐ: 6		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,1	10	10h50; 10/5/2024	
23	Sông Tắc	Km08+000	7,8	192	12h55; 10/5/2024	
		Luồng cạn từ km05+860 đến km09+900	1,6	150	13h05; 10/5/2024	
24	Rạch Bà Cua - Ông Cây	Km01+500	1,6	55	09h35; 10/5/2024	
		Đường dây điện cao thế (Km01+150)	TK: 7			
		Cầu Bà Cua (Km02+900)	TK: 2	KĐ: 15		
		Cầu Bách Khoa (Ông Kỳ) Km05+350	TK: 1	KĐ: 15		

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Luồng cạn từ km00+600 đến km07+399	0,5	10	09h50; 10/5/2024	
25	Rạch Đồng Trong - Rạch Giồng Ông Tố	Km02+000	1,4	65	11h10; 06/5/2024	
		Cầu Giồng Ông Tố 1 (Km02+050)	TK: 1,5	KĐ: 7,2		
		Vật chướng ngại (Km02+050)	Dài :5	6,7		
		Luồng cạn từ km 01+700 đến km05+572	0,2	10	11h20; 06/5/2024	
26	Sông Kỳ Hà	Km02+100	1,0	55	10h50; 07/5/2024	
		Đường dây điện cao thế (Km02+900)	TK: 7			
		Cầu tạm Balay (Km03+280)	TK: 0,3	KĐ: 6		
		Cầu Mỹ Thủy 1 (Km03+550)	TK: 2	KĐ: 13		
		Luồng cạn km02+400 đến cuối tuyến	0,3	10	11h00; 07/5/2024	
27	Rạch Cá Trê Lớn	Km01+000	0,9	30	11h20; 07/5/2024	
		Đường dây điện (Km 01+000)	TK: 5			
		Cầu Ông Cây (Km03+470)	TK: 1	KĐ: 12		
		Cầu Cá Trê (Km 00+910)	TK: 1,8	KĐ: 10		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,3	10	11h35; 07/5/2024	
28	Rạch Bà Ty	Km00+500	2,4	10	07h35; 16/5/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Cầu Kiến Ngang (Km 02+200)	TK: 1	KĐ: 5		
		Luồng cạn toàn tuyến	1,8	10	07h32; 16/5/2024	
29	Sông Cần Giuộc	Km08+000	6,5	70	07h55; 16/5/2024	
		Cầu Cần Giuộc (Km 09+950)	TK: 7	KĐ: 30		
30	Rạch Bà Lớn - Rạch Chôm	Km02+000	2,5	15	08h20; 16/5/2024	
		Cầu Bà Lớn (Km 02+400)	TK: 2,5	KĐ: 15		
		Luồng cạn toàn tuyến	2,3	15	08h23; 16/5/2024	
31	Rạch Bà Lào (Xà Tồn)- Rạch Ngang	Km03+700	4,6	12	10h47; 20/5/2024	
		Cầu Khu Hải Yến (Km03+600)	TK: 1,2	KĐ: 10		
		Cầu Trắng (Km 05+050)	TK: 1	KĐ: 6		
		Luồng cạn từ km02+600 đến km06+200	3,4	12	10h49; 20/5/2024	
32	Rạch Xóm Cùi - Gò Nổi	Km06+700	4,8	20	14h24; 20/5/2024	
		Dây điện cao thế (Km 00+200)	TK: 6			
		Cầu Xóm Cùi (Km04+800)	TK: 5	KĐ: 15		
		Luồng cạn từ km04+400 đến cuối tuyến	2,8	20	14h35; 20/5/2024	
33	Tắc Bến Rô	Km01+000	4,7	25	14h03; 20/5/2024	
34	Rạch Chiêu - Cầu Bà Cả	Km02+500	3,5	8	11h27; 20/5/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Dây điện cao thế (Km00+500)	TK: 6			
		Luồng cạn từ km01+700 đến km03+671	1,9	7	11h29; 20/5/2024	
35	Rạch Tắc Rối (Rạch Cầu Kinh)	Km01+000	0,4	30	11h40; 07/5/2024	
		Cầu Bà Cả (Km 03+800)	TK: 0,3	KĐ: 5		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,1	3	11h45; 07/5/2024	
36	Rạch Cả Cắm	Km02+000	0,6	35	12h20; 07/5/2024	
		Cầu Cả Cắm1 (Km 00+200)	TK: 1,5	KĐ: 10		
		Cầu Đa Khoa (Km02+500)	TK: 1	KĐ: 10		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,0	5	12h25; 07/5/2024	
37	Rạch Tam Đệ	Luồng cạn toàn tuyến	0,0	4,5	12h35; 07/5/2024	
38	Rạch Đĩa - Rạch Roi - Sông Phú Xuân	Km00+450	0,9	100	12h40; 10/04/2024	
		Đường dây điện (Km 02+000)	TK: 6			
		Cầu Phú Xuân (Km01+000)	TK: 3,5	KĐ:22		
		Cầu Rạch Đĩa1 (Km 09+000)	TK: 1,5	KĐ: 20		

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Luồng cạn toàn tuyến	0,2	10	13h00; 07/5/2024	
39	Rạch Tôm (nhánh Phú Xuân - Mương Chuối)	Km03+500	8,7	112	12h29; 20/5/2024	
		Dây điện (Km06+050)	TK: 8			
40	Rạch Ông Lớn 2 - Sông Phước Kiếng - Mương Chuối	Km06+500	9,6	63	13h43; 20/5/2024	
		Cầu Long Kiển (Km06+000)	TK: 2	KĐ: 15		
		Cầu Phước Lộc (Km08+850)	TK: 1	KĐ: 10		
		Dây điện cao thế (Km06+050)	TK: 8			
41	Rạch Tôm (nhánh Phước Kiếng)	Km00+900	4,6	62	11h51; 20/5/2024	
		Cầu Rạch Tôm (Km03+200)	TK:2	KĐ: 18		
		Dây điện cao thế (Km03+300)	TK: 8			
		Luồng cạn toàn tuyến	3,5	60	11h59; 20/5/2024	
42	Rạch Bà Chiêm - Bà Chùa - Lấp Dầu	Km00+300	4,3	10	10h45; 14/5/2024	
		Cầu Bà Chiêm 1 (Km00+850)	TK: 0,8	KĐ: 10		

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Dây điện (Km00+100)	TK: 6			
		Luồng cạn toàn tuyến	2,1	6	10h35; 14/5/2024	
43	Rạch Dơi - Sông Kinh	Km01+000	7,4	125	10h55; 14/5/2024	
		Cầu Rạch Dơi (Km08+800)	TK: 3	KĐ:18		
		Dây điện (Km07+800)	TK: 8			
		km05+000 đến km08+940	5,5	80	09h55; 14/5/2024	
44	Rạch Giồng - Kinh Lộ	Km00+600	6,1	130	10h12; 09/5/2024	
45	Rạch Rộp	Km00+500	2,2	45	09h13; 09/5/2024	
		Dây điện (Km02+000)	TK: 7			
		Luồng cạn toàn tuyến	1,9	20	09h23; 09/5/2024	
46	Rạch Đình - Rạch Mương Lớn	Km03+150	3,3	45	09h44; 09/5/2024	
		Cầu Trạm Xá (Km00+500)	TK: 1	KĐ:10		
		Luồng cạn từ km00+000 đến km02+850	2,8	20	09h40; 09/5/2024	
47	Tắc Sông Chà	Km00+800	16,9	100	15h10; 14/5/2024	
		Dây điện (Km00+200)	TK: 12			
48	Rạch Tân - Rạch Bông Giếng Lớn	Km04+000	4,1	10	14h30; 14/5/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Cầu Bông Giếng (Km00+150)	TK: 1,5	KĐ: 20		
		Cầu Kho Đồng (Km04+250)	TK: 1,5	KĐ: 10		
		Luồng cạn toàn tuyến	2,5	10	14h45; 14/5/2024	
49	Rạch Lá - Tắc Tây Đen	Km09+650	4,1	35	12h45; 14/5/2024	
		Cầu Rạch Lá (Km04+300)	TK: 3	KĐ: 25		
		Luồng cạn toàn tuyến (trừ km08 đến km10)	3,7	35	12h25; 14/5/2024	
50	Rạch Tắc Rán	Luồng cạn toàn tuyến	4,8	65	13h05; 14/5/2024	
51	Kênh Bà Tổng	Km02+000	13,1	70	10h00; 14/5/2024	
		Cầu Bà Tổng (Km00+460)	TK: 3,5	KĐ: 25		
52	Tắc Ông Nghĩa	Km03+000	18,3	50	09h30; 14/5/2024	
		Cầu An Nghĩa 2 Km00+780	TK: 3,5	KĐ: 25		
		Đường dây điện Km00+800	TK: 4			
53	Rạch Đôn	Km02+300	10,1	73	11h10; 09/5/2024	
		Dây điện (Km01+000)	TK: 3			
54	Sông Vàm Sát	Km03+700	7,5	92	16h10; 16/5/2024	
55	Rạch Góc Tre Nhỏ	Km02+700	4,4	30	14h00; 09/5/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Cầu Nông Thôn (Km02+000)	TK: 1	KĐ: 10		
		Luồng cạn từ km00+000 đến km02+200	2,8	20	14h10; 09/5/2024	
56	Sông Dinh Bà 1 - Lôi Giang	Km02+100	5,5	67	12h05; 09/5/2024	
		Cầu Lôi Giang (Km06+250)	TK: 3,5	KĐ: 25		
		Dây điện (Km06+200)	TK: 3			
		Luồng cạn từ Km02+700 đến Km05+000	3,8	35	12h15; 09/5/2024	
57	Rạch Tắc Rối	Km03+000	22,7	120	09h30; 16/5/2024	
58	Sông Dừa	Km02+000	13,4	120	09h00; 16/5/2024	
59	Tắc Ăn Tết - Tắc Cầu Kho	Km05+000	12,3	60	10h00; 16/5/2024	
		Luồng cạn từ km00 đến km00+322 và km02+017 đến km04+342	5,3	20	10h10; 16/5/2024	
60	Rạch Đuôi Cá	Km03+000	5,9	10	11h00; 16/5/2024	
		Luồng cạn từ km02+132 đến km04+000	5,7		11h10; 16/5/2024	
61	Tắc Bức Mây	Km01+000	6,0	100	11h30; 16/5/2024	
		Luồng cạn từ km00 đến km02+968	5,7	40	11h40; 16/5/2024	
62	Rạch Thiêng Liêng	Km01+000	10,7	120	12h30; 16/5/2024	
		Dây điện ngầm Km 00+250				

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Luồng cạn từ km05+400 đến km07+401	7,1	50	12h40; 16/5/2024	
63	Tắc Đồi Nợ	Km03+000	6,6	27	13h00; 16/5/2024	
		Luồng cạn từ km00+550 đến km02+550	6,0	25	13h15; 16/5/2024	
64	Rạch Cá Nhán	Km06+000	12,7	120	13h30; 16/5/2024	
		Luồng cạn từ km01+073 đến km03+521	10,4		13h40; 16/5/2024	
65	Rạch Năm Mươi	Km01+000	12,9	70	14h00; 16/5/2024	
66	Sông Thêu	Km04+000	9,9	120	14h30; 16/5/2024	
		Dây điện ngầm Km 01+200				
		Luồng cạn đoạn từ km00 đến km02+974 và đoạn từ km07+250 đến km10+310	8,2	120	14h40; 16/5/2024	
67	Rạch Mòng Gà - Móc Mu	Km03+000	8,3	120	13h00; 15/5/2024	
		Luồng cạn từ Km03+700 đến Km05+200	6,4	20	13h15; 15/5/2024	
68	Tắc Cống	Km05+000	6,1	50	14h30; 15/5/2024	
		Luồng cạn từ km01+975 đến km05+775	5,9	30	14h35; 15/5/2024	
69	Sông Ông Tiên - Cá Gau	Km01+000	18,2	89	11h30; 15/5/2024	
70	Sông Mùng Năm - Tắc Ăn Chè	Km01+000	11,5	80	11h00; 14/5/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
71	Sông Dàn Xây	Km01+000	8,8	49	10h30; 14/5/2024	
		Cầu Dân Xây (Km00+420)	TK: 6,5	KĐ:40		
		Đường dây điện Km00+400	TK: 25			
		Luồng cạn từ km01+195 đến km03+809	8,7	50	10h35; 14/5/2024	
72	Sông Dinh Bà	Km03+550	7,7	120	12h45; 09/5/2024	
73	Sông Lò Rèn	Km01+350	7	91	13h40; 09/5/2024	
74	Rạch Tràm - Kênh Kê	Km01+450	7,5	35	13h25; 09/5/2024	
		Luồng cạn từ km03+150 đến km05+832	3,1	35	13h35; 09/5/2024	
75	Sông Cát Lái - Vàm Sát	Km06+100	8,8	110	15h05; 16/5/2024	
76	Sông Cá Nhám Lớn - Rạch Cá Nhám Lớn	Km03+100	3,8	45	14h15; 16/5/2024	
		Cầu Nông Thôn (Km01+200)	TK: 2	KĐ: 10		
		Luồng cạn từ km01+400 đến km06+608	3,6	40	13h55; 16/5/2024	
77	Sông Mũi Nai	Km06+000	12,6	120	13h00; 14/5/2024	
78	Sông Đồng Tranh 2	Km04+000	13,9	120	13h30; 14/5/2024	
79	Sông Lò Vôi	Km13+000	8,0	16	12h00; 15/5/2024	
		Luồng cạn từ km08+172 đến km09+800	5,1	20	12h15; 15/5/2024	
80	Sông Đồng Đình	Km01+000	9,5		10h00;	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	- Bãi Tiên			120	15/5/2024	
81	Sông Dinh Bà 2	Km01+000	8,8	53	10h30; 15/5/2024	
82	Sông Hà Thanh - Đồng Hòa	Km09+000	7,0	60	15h30; 15/5/2024	
		Cầu Hà Thanh (Km 04+450)	TK: 3,5	KĐ: 25		
		Đường dây điện (Km 04+450)	TK: 6			
		Đường dây điện (Km 04+400)	TK: 6			
		Luồng cạn từ km00 đến km00+500 và km01+500 đến km02+400	5,4	60	15h40; 15/5/2024	
83	Rạch Long Thạnh	Luồng cạn toàn tuyến	4,6	15	13h30; 15/5/2024	
84	Rạch Đào 1	Km01+000	1,6	50	10h10; 06/5/2024	
85	Rạch Đào 2	Km01+000	1,6	61	10h20; 06/5/2024	

*Ghi chú:

- Độ sâu (h) là chiều cao cột nước tại thời điểm đo ở cột (6) tính từ đáy luồng lên mặt nước.

- Bề rộng (B) là chiều rộng luồng đo tại vị trí bất lợi nêu tại cột (3).

- Chiều cao tĩnh không là chiều cao tính từ đáy dầm tại khoang thông thuyền đến mặt nước theo mực nước ứng với tần suất mực nước cao P(5%) trên đường tần suất lũy tích mực nước giờ trong 10 năm gần nhất.

- Số liệu trong cột (4), cột (5) đơn vị tính bằng mét (m).

Phụ lục 2**TÌNH HÌNH MỰC NƯỚC**

(Kèm theo Thông báo số /TB-SGTVT ngày tháng 6 năm 2024
của Sở Giao thông vận tải)

T T	Sông	Trạm chính	Mức nước lớn nhất (Hmax)		Mức nước nhỏ nhất (Hmin)	
			Mức nước (m)	Thời gian	Mức nước (m)	Thời gian
1	Sài Gòn	Phú An	1,44	15h48; 09/5/2024	-1,85	23h12; 24/5/2024
2	Rạch Dơi - Sông Kinh	Nhà Bè	1,39	15h24; 09/5/2024	-2,17	23h00; 25/5/2024

*Ghi chú:

- Số liệu lấy từ Bảng thủy triều dự báo tháng 5 năm 2024 của Viện Kỹ thuật Biển.

- Mức nước lớn nhất (Hmax) là cao độ (tính theo hệ Hòn Dấu) có trị số lớn nhất của mặt nước đo đạc được trong tháng được lấy từ Bảng thủy triều dự báo tháng 5 năm 2024 của Viện Kỹ thuật Biển.

- Mức nước nhỏ nhất (Hmin) là cao độ (tính theo hệ Hòn Dấu) có trị số nhỏ nhất của mặt nước đo đạc trong tháng được lấy từ Bảng thủy triều dự báo tháng 5 năm 2024 của Viện Kỹ thuật Biển.